

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 537/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 22/6/2020

V/v: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Quốc Thịnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lượng.
2. Ông Huỳnh Tiến Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Giang – Cán bộ Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Tuyết Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1307/2019/TLST-HNGĐ, ngày 11/12/2019 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2020/QĐST-HNGĐ ngày 08/4/2020; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 176/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm 1977

Địa chỉ: Số 54A9, Đường Ngô Chí Quốc, Khu phố 2, phường Bình Chiểu, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Phạm Văn Kh, sinh năm 1964

Địa chỉ: Số 11, Đường 17, Khu phố 5, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ghi ngày 21/11/2019, Bản tự khai ngày 03/01/2020, Biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 16/3/2020, nguyên đơn – Bà Lê Thị T trình bày:

Bà Lê Thị T và Ông Phạm Văn Kh chung sống với nhau năm 1993 và đăng ký kết hôn năm 2002 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Quá trình chung sống đến năm 2001 thì phát sinh mâu thuẫn, Ông Kh thường chửi và đánh đập Bà T nên bà quyết định đưa 02 con vào miền nam sinh sống. Ông Kh biết sự việc nên đến gặp Bà T và hứa sau này không chửi hay đánh đập Bà T, Bà T đồng ý hàn gắn tình cảm vợ chồng nên cả gia đình vào miền nam sinh sống. Sau một thời gian Ông Kh vẫn không thay đổi, năm 2014 Bà T và 02 người con dọn nhà ra ở riêng và sống ly thân cho đến nay. Bà T thấy tình trạng hôn nhân không thể kéo dài và không còn tình cảm với Ông Kh nên xin được ly hôn để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có 02 (Hai) con chung tên Phạm Văn M, sinh ngày 11/02/1996 và Phạm Thị Hồng B, sinh ngày 28/8/1994. (Cả hai con đã thành niên).

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà T khai không có.

Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn – Ông Phạm Văn Kh không đến Tòa để giải quyết vụ án. Do vậy, không thu thập được lời khai của Ông Phạm Văn Kh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức phát biểu: Về thủ tục tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng có vi phạm thời hạn hoãn phiên tòa nên cần rút kinh nghiệm, các thủ tục khác tuân thủ quy định của pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn – Bà Lê Thị T yêu cầu ly hôn với bị đơn – Ông Phạm Văn Kh. Do Ông Kh có nơi cư trú tại quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn – Bà Lê Thị T có mặt, Bị đơn – Ông Phạm Văn Kh vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án được tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[3] Về yêu cầu của đương sự: Căn cứ lời khai của đương sự cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua kiểm tra tại phiên tòa, có cơ sở xác định Bà Lê Thị T, Ông Phạm Văn Kh chung sống với nhau năm 1993 và đăng ký kết hôn năm 2002, Giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 25/02/2002. Do đó, hôn nhân giữa Bà T và Ông Kh là hợp

pháp. Quá trình chung sống, Bà T và Ông Kh đã không còn hạnh phúc, đời sống gia đình xảy ra xung đột nhưng cả hai đã không tìm được tiếng nói chung. Bà T và Ông Kh cũng đã nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng vẫn không có kết quả. Năm 2014, Bà T và 02 người con dọn nhà ra ở riêng và sống ly thân cho đến nay. Kết quả xác minh nơi cư trú của Ông Kh, Công an phường Hiệp Bình Phước trả lời “Đương sự Phạm Văn Kh, sinh năm 1964 hiện nay thực tế cư trú tại 11 Đường 17, Khu phố 3, phường H, quận Th, Thành phố Hồ Chí Minh”. Kết quả xác minh tình trạng hôn nhân của Bà T và Ông Kh, Phòng Văn hóa và Thông tin quận Thủ Đức trả lời “Qua rà soát hồ sơ liên quan, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình (UBND phường H và Phòng Văn hóa và Thông tin) chưa ghi nhận trong hồ sơ về bạo lực gia đình giữa Bà Lê Thị T và Ông Phạm Văn Kh. Vì vậy, Phòng Văn hóa và Thông tin không biết nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, tình trạng quan hệ hôn nhân giữa Bà Lê Thị T và Ông Phạm Văn Kh”. Quá trình tiến hành tố tụng, Ông Kh không đến Tòa để giải quyết vụ án nên không thu thập được lời trình bày của Ông Kh, do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra tại phiên tòa để làm căn cứ giải quyết vụ án.

Từ những nhận định trên, xét thấy mục đích hôn nhân của Bà T và Ông Kh không đạt, mâu thuẫn đến nay đã trầm trọng nên Bà T đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với Ông Kh là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Có 02 (Hai) con chung tên Phạm Văn M, sinh ngày 11/02/1996 và Phạm Thị Hồng B, sinh ngày 28/8/1994. (Cả hai con đã thành niên).

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà T khai không có.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do có yêu cầu ly hôn nên Bà Lê Thị T phải chịu tiền án phí.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 220, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Điều 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Luật phí và lệ phí năm 2015;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Luật thi hành án dân sự.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị T được ly hôn Ông Phạm Văn Kh.
2. Về con chung: Có 02 (Hai) con chung tên Phạm Văn M, sinh ngày 11/02/1996 và Phạm Thị Hồng B, sinh ngày 28/8/1994. (Cả hai con đã thành niên).
3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
4. Về nợ chung: Bà T khai không có.
5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, Bà Lê Thị T phải chịu nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai số AA/2019/0056285 ngày 11/12/2019, do Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức lập. Bà T đã nộp đủ tiền án phí.
6. Về quyền kháng cáo: Bà Lê Thị T được quyền kháng cáo bản án này đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Phạm Văn Kh được quyền kháng cáo bản án này đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản sao bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND Tp. HCM;
- VKSND quận Thủ Đức;
- CCTHADS quận Thủ Đức;
- UBND xã Đ, huyện Triệu Sơn,
tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu VT, hồ sơ.

Huỳnh Quốc Thịnh

